

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 240/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1452/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm H; Sinh năm: 1987; Địa chỉ thường trú: 147/6 Lê N, Khu phố 7, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Tô Hồng D; sinh năm: 1987. Địa chỉ thường trú: 210/86 Nguyễn V, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ nơi cư trú: 147/6 Lê N, Khu phố 7, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 09 năm 2022 của bà Phạm Thị Cẩm H, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Phạm Thị Cẩm H là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Tô Hồng D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013. Sau đó, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã; ông D không tôn trọng bà, hay có những lời lẽ nặng nề xúc phạm vợ. Mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn để níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông D, không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân mà hai bên không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên bà yêu cầu ly hôn với ông D. Do bận công việc, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Tô Hồng T, sinh ngày 30/12/2014 và Tô Hồng N, sinh ngày 22/10/2016. Bà Phạm Thị Cẩm H yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Cẩm H yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ông Tô Hồng D là bị đơn vắng mặt không có lý do nên không trình bày ý kiến.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do đương sự vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng.

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; về con chung: giao 02 (hai) con chung là Tô Hồng T, sinh ngày 30/12/2014 và Tô Hồng N, sinh ngày 22/10/2016 cho bà H nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho trẻ; về cấp dưỡng nuôi con: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét qua đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và

gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn ông Tô Hồng D có nơi cư trú tại 147/6 Lê N, Khu phố 7, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Cẩm H có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Tô Hồng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà H, ông D là phù hợp.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Tô Hồng D đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông D không đến Tòa và cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số 01/2013, ngày 17/05/2013 của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà H, ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét qua yêu cầu xin ly hôn bà Phạm Thị Cẩm H đối với ông Tô Hồng D. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, vợ chồng Bà H, ông D đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà H cho rằng ông D không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường có lời nói xúc phạm bà, hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Tòa án cũng đã triệu tập ông D đến Tòa để ông thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông D không đến tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà H. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, nay tình trạng mâu thuẫn của đôi bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông D, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[5] Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Tô Hồng T (nữ), sinh ngày 30/12/2014 và Tô Hồng N (nữ), sinh ngày 22/10/2016. Bà H yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Xét thấy, con chung của ông bà là con gái, bà H đang nuôi dưỡng hai con và nguyện vọng của con cũng muốn được ở cùng mẹ. Mặt khác, ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình 2014, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của con nên việc giao con chung Tô Hồng T và Tô Hồng N cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng khi Bà H và ông D ly hôn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Cẩm H khai nhận hai bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Cẩm H tự khai không có nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Phạm Thị Cẩm H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Cẩm H đối với ông Tô Hồng D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Cẩm H được ly hôn với ông Tô Hồng D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2013, ngày 17/05/2013 của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị Cẩm H và ông Tô Hồng D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi hai con chung của bà Phạm Thị Cẩm H.

Giao hai con chung là Tô Hồng T (nữ), sinh ngày 30/12/2014 và Tô Hồng N (nữ), sinh ngày 22/10/2016 cho bà Phạm Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Cẩm H yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Bà H cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông D.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Cẩm H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Cẩm H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Cẩm H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Cẩm H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009597 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Cẩm H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh